

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM**

**Một số nội dung sửa đổi chính của Điều lệ theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ mẫu của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung</b>	<b>Nội dung hiện nay</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>Điều lệ mới gồm 5 chương, 78 điều. Được sửa đổi theo Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Luật Doanh nghiệp, kết hợp tham chiếu Điều lệ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP</b>	<b>Điều lệ hiện nay chưa sửa gồm 21 mục, 54 điều</b>	
1	Khoản 2 Điều 9 quy định: Cổ phiếu là chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1, Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020	Khoản 2 Điều 7 quy định: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp 2014	Thay đổi khái niệm cổ phiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020
2	Khoản 1 Điều 17 quy định:	Trước đây không quy định nội dung này	Quy định thêm một số quyền của cổ đông
	i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;		
	j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;		
	k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;		
3	Khoản 2, Điều 17 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau...	Khoản 3, Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên có các quyền sau...	Sửa đổi điều kiện thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên

	Bổ quy định: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này	Điểm a, khoản 3, điều 12: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này	Thay đổi một số quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên
	Thêm quy định điểm d, khoản 2, điều 17: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;		
4	Khoản 4, Điều 17 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Khoản 3, Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Thay đổi điều kiện đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát
5	Khoản 2 Điều 18. Nghĩa vụ cổ đông quy định: Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Trước đây không quy định nội dung này	Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty
6	Khoản 8 Điều 18. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;	Trước đây không quy định nội dung này	Theo quy định tại Điều lệ mẫu của Tổng công ty (dựa trên Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020

7	Khoản 1, Điều 21. ĐHĐCĐ: Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước đây không quy định nội dung này	Được gia hạn cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên
8	Bãi bỏ những quy định này	Khoản 3 Điều 14 quy định:	Bãi bỏ một số trường hợp phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường
		Báo cáo tài chính quý, 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ	
		Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình	
9	Khoản 1 và khoản 2 Điều 22: Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát		Bổ sung quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ
10	Khoản 1 Điều 24 quy định: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Khoản 1 Điều 17 quy định: Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua	Quy định về điều kiện thay đổi các quyền của cổ đông

11	Khoản 2 Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Khoản 2 Điều 18: Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ	Triệu tập họp ĐHĐCĐ
12	Khoản 3 Điều 25: Thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp	Khoản 3 Điều 18: Thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp	Thay đổi thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp
13	Khoản 1 Điều 26: Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	Khoản 1 Điều 19: ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ
14	Khoản 1 Điều 28: Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này:	Khoản 1 Điều 21: Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ	Điều kiện thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ
	a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại	a) Thông qua báo cáo tài chính năm	
	b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh	b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty	
	c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc	
	d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty		
	e) Tổ chức lại, giải thể Công ty		
	f) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty		
15	Khoản 8 Điều 29: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 9 Điều 22: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều kiện để Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

16	Điểm i, khoản 1 Điều 30 quy định: Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Điểm i, Khoản 1 Điều 23 quy định: Biên bản họp ĐHCĐ phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký	Biên bản họp ĐHCĐ vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và thư ký không ký
17	Khoản 2 Điều 32 quy định: cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên HĐQT	Khoản 2 Điều 25 quy định: Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông (tỷ lệ từ 5% trở lên) trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT	Quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị. Điều chỉnh tương tự đối với Quyền ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát
18	Khoản 3 Điều 33 quy định: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải đảm bảo có tối thiểu 02 thành viên độc lập (Số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 7, nằm trong trường hợp có số thành viên HĐQT từ 06 đến 08 thành viên)	Khoản 2 Điều 26 quy định: Tổng số thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.	Tổng số thành viên độc lập HĐQT đối với công ty niêm yết
19	Quy định tại Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT	Trước đây không quy định nội dung này	Bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT
20	Điều 36. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT bổ sung điểm j: Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định		
	- Đối với dự án đầu tư, mua sắm, nâng cấp tài sản cố định thuộc danh mục đầu tư hàng năm được HĐQT phê duyệt có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất và các dự án không nằm trong kế hoạch đầu tư hàng năm có giá trị dưới 15 tỷ đồng (trừ đầu tư tàu biển)		
	- Thanh lý, nhượng bán, cho thuê tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất (trừ thanh lý, thuê, cho thuê tàu biển)		

21	<p>Khoản 5 Điều 38 quy định: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Trước đây không quy định nội dung này</p>	<p>Quy định trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt</p>
22	<p>Khoản 1 Điều 43 quy định: Hội đồng quản trị Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 32 quy định: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là 05 năm</p>	<p>Không quy định nhiệm kỳ người phụ trách quản trị Công ty</p>
23	<p>Khoản 4 Điều 45 quy định: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Trước đây không quy định nội dung này</p>	<p>Tiền lương của người điều hành công ty</p>
24	<p>Quy định tại Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc</p>	<p>Khoản 2, Điều 35 quy định: Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty</p>	<p>Bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc</p>

25	Điểm b, Khoản 2, Điều 49 quy định: Thành viên Ban kiểm soát được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Khoản 2 Điều 37 quy định: Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty... Ngoài ra, khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp quy định: Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên	Điều chỉnh tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát
26	Khoản 1 Điều 50 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.	Khoản 3 Điều 37 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	Điều chỉnh tiêu chuẩn và điều kiện của Trưởng Ban kiểm soát
27	Khoản 18, Điều 51 quy định: Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	Trước đây chưa có quy định về một số quyền hạn này	Quy định thêm một số quyền hạn của Ban kiểm soát
	Khoản 19, Điều 51 quy định: Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.		
	Khoản 20, Điều 51 quy định: Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:		
	a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.		

	b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.		
	c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.		
	d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.		
	e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.		
	f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.		
28	Khoản 1 Điều 52 quy định: Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.	Khoản 3 Điều 38 quy định: Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 số Kiểm soát viên trở lên dự họp	Bổ sung quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát



	Khoản 2 Điều 52 quy định: Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.		
29	Quy định tại Điều 56	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung giao dịch với cổ đông, người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (theo Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020)
30	Quy định tại Điều 57	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung công khai lợi ích có liên quan (theo Điều 164 Luật doanh nghiệp 2020)
31	Quy định tại Điều 58	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung công khai thông tin (theo điều 176 Luật doanh nghiệp 2020)
32	Quy định tại Điều 59	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung nội dung quyền khởi kiện đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (theo Điều 166 Luật doanh nghiệp 2020)
33	Khoản 1 Điều 61 quy định: Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Khoản 1 Điều 42 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng mới có quyền tra cứu hồ sơ	Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ
34	Quy định tại các Điều 63, 64 và 65	Trước đây chưa có quy định này	Bổ sung Chương IV: Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác
35	Điều 72 quy định về kiểm toán đã bãi bỏ quy định này	Khoản 2 Điều 50 quy định: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Bãi bỏ thời hạn công ty kiểm toán độc lập trình báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty